

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TB-ĐHL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc thực hiện chế độ chính sách dành cho sinh viên đại học chính quy

năm học 2026 - 2027

- Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

- Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học và Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC của Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật

- Căn cứ văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Phòng Công tác sinh viên thông báo về việc thực hiện chế độ chính sách cho sinh viên thuộc các khóa 47 Quản trị Luật, khóa 48, khóa 49, khóa 50 và khóa 51 như sau:

I - CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ:

Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

1. Đối tượng và hồ sơ miễn, giảm học phí:

Đối tượng	Danh mục hồ sơ	Mức miễn giảm	Quy định
Đối tượng miễn 100% học phí			
Đối tượng 1: Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. (Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục III) - Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối với người có công được xác định theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. - Bản sao giấy khai sinh	100%	Nộp hồ sơ một lần cho cả thời gian học tập
1.1 Người có công với cách mạng bao gồm:			
a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;			
b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;			
c) Liệt sỹ;			
d) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;			
đ) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;			
e) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;			
g) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh;			
h) Bệnh binh;			
i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;			
k) Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày;			

l) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế;			
m) Người có công giúp đỡ cách mạng.			
1.2. Thân nhân của người có công với cách mạng bao gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sỹ			
Đối tượng 2: Sinh viên khuyết tật.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục III) - Bản sao chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật.	100%	Nộp hồ sơ một lần cho cả thời gian học tập
Đối tượng 3: Người học từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục III) - Quyết định về việc trợ cấp xã hội do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp.	100%	Nộp hồ sơ một lần cho cả thời gian học tập
Đối tượng 4: Sinh viên hệ cử tuyển (kể cả học sinh cử tuyển học nghề nội trú với thời gian đào tạo từ 3 tháng trở lên) theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục III) - Bản sao chứng thực Quyết định cử tuyển của cơ quan có thẩm quyền.	100%	Nộp hồ sơ một lần cho cả thời gian học tập
Đối tượng 5: Sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trong trường hợp ở với ông, bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục III); - Bản sao Giấy khai sinh; - Bản sao chứng thực Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp.	100%	Nộp lại hồ sơ vào đầu mỗi học kỳ

Đối tượng 6: Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định của Chính phủ về quy định chính sách đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục III); - Bản sao Giấy khai sinh. - Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cư dân.	100%	Nộp hồ sơ một lần cho cả thời gian học tập
Đối tượng giảm 70% học phí			
Sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) mà bản thân và cha hoặc mẹ có nơi thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục III); - Bản sao Giấy khai sinh. - Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cư dân. <i>(Sinh viên tra cứu các văn bản kèm theo trong hướng dẫn)</i>	70%	Nộp hồ sơ một lần cho cả thời gian học tập
Đối tượng giảm 50% học phí			
Sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục III) - Bản sao Giấy khai sinh - Bản sao chứng thực Quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do cơ quan bảo hiểm xã hội cấp.	50%	Nộp hồ sơ một lần cho cả thời gian học tập

2. Cơ chế miễn, giảm học phí

2.1. Việc miễn giảm học phí sẽ được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại trường.

2.2. Ngân sách Nhà nước có trách nhiệm cấp bù tiền miễn, giảm học phí đối với người học tại cơ sở giáo dục công lập, cụ thể như sau:

- Nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí đối với người học thuộc các đối tượng miễn, giảm học phí theo mức thu học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập, nhưng tối đa không quá mức trần học phí quy định tại khoản 1 Điều

10 của Nghị định 238/2025/NĐ-CP tương ứng với từng năm học và ngành, khối ngành đào tạo.

- Phần còn lại người học phải đóng bằng chênh lệch giữa mức trần học phí quy định tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định 238/2025/NĐ-CP và mức hỗ trợ của Nhà nước. Cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm chi trả phần chênh lệch giữa mức trần học phí quy định tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định 238/2025/NĐ-CP và mức học phí thực tế của cơ sở giáo dục.

2.3. Trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng hưởng chính sách miễn, giảm quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP với các văn bản quy phạm pháp luật khác đang thực hiện có mức hỗ trợ cao hơn thì được hưởng theo mức hỗ trợ cao hơn quy định tại văn bản pháp luật khác.

2.4. Không áp dụng chế độ miễn, giảm học phí đối với người học trong trường hợp đang hưởng lương hoặc sinh hoạt phí khi đi học, các trường hợp học cao học, nghiên cứu sinh (trừ đối tượng quy định tại khoản 9, khoản 11 Điều 15 và điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định 238/2025/NĐ-CP).

2.5. Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với người học trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học, nay tiếp tục học thêm ở một cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học khác cùng cấp học và trình độ đào tạo. Nếu người học thuộc đối tượng miễn, giảm học phí đồng thời học ở nhiều cơ sở giáo dục hoặc nhiều khoa, nhiều ngành trong cùng một cơ sở giáo dục thì chỉ được hưởng một chế độ miễn, giảm học phí.

2.6. Không áp dụng chế độ miễn, giảm học phí đối với người học theo hình thức giáo dục thường xuyên các chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp hoặc đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; trừ trường hợp người học chương trình giáo dục thường xuyên để cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân.

2.7. Không áp dụng chế độ miễn, giảm học phí trong thời gian người học bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, bảo lưu, học lưu ban, học lại, học bổ sung. Trường hợp người học phải dừng học; học lại, bảo lưu, lưu ban (không quá một lần) do ốm đau, tai nạn hoặc dừng học vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì thủ trưởng cơ sở giáo dục xem xét cho tiếp tục học tập theo quy định và tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP).

2.8. Kinh phí cấp bù, miễn giảm học phí được cấp theo thời gian học thực tế nhưng không quá 10 tháng/năm học đối với sinh viên học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và thực hiện chi trả cho người học tối đa 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học.

2.9. Trường hợp sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học đã nộp hồ sơ đúng theo quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP chưa nhận được tiền cấp bù miễn, giảm học phí theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh hoặc giảm trừ trong lần chi trả tiếp theo.

3. Quy trình và thời gian nộp hồ sơ:

Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí làm Giấy đề nghị MGHP (theo mẫu Phụ lục III), kèm theo giấy tờ chứng minh đối tượng được xét miễn, giảm học phí và nộp về Phòng Công tác sinh viên A103 cơ sở Nguyễn Tất Thành, cụ thể:

- Thời gian:

+ **Học kỳ 1:** Từ đầu học kỳ đến ngày 15 tháng 10

+ **Học kỳ 2:** Từ đầu học kỳ đến ngày 15 tháng 03

- Địa điểm nộp: Phòng Công tác sinh viên A103 cơ sở Nguyễn Tất Thành

Trường sẽ không nhận hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm học phí nếu các giấy tờ kèm theo không hợp lệ và không nộp theo đúng thời gian quy định. Không được giải quyết truy lĩnh tiền miễn, giảm học phí đối với thời gian đã học từ trước đến thời điểm sinh viên nộp hồ sơ đề nghị kèm theo các giấy tờ quy định cho từng đối tượng miễn, giảm học phí.

Danh mục các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn sinh viên có thể tra cứu theo các văn bản dưới đây:

- Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

- Quyết định 567/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ công nhận 09 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

- Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 4 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định 1010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn.

- Quyết định 698/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định 612/QĐ-UBND năm 2021 phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành;

- Quyết định 497/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo) phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Văn bản số 296/BDTTG-CS ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đơn vị hành chính cấp xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

- Các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số vùng miền núi (nếu có).

II - HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học và Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

1. Đối tượng áp dụng:

Sinh viên là **người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo** theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ.

Lưu ý:

- *Sinh viên Cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học không được hưởng chính sách này;*

- *Sinh viên đã được nhận hỗ trợ học tập sẽ không được nhận hỗ trợ chi phí học tập.*

2. Mức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở;
- Số tháng được hưởng: không quá 10 tháng/năm học/sinh viên;
- Số năm được hưởng: tính theo thời gian đào tạo chính thức.

3. Hồ sơ

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (Theo mẫu).
- Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo (theo năm) do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp (bản sao có chứng thực).
- Giấy khai sinh (bản sao có chứng thực).

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ:

a). Thời gian:

- **Học kỳ 1:** Từ đầu học kỳ đến ngày 15 tháng 10
- **Học kỳ 2:** Từ đầu học kỳ đến ngày 15 tháng 03

b). Địa điểm: Phòng Công tác sinh viên (A103) cơ sở Nguyễn Tất Thành.

III - HỖ TRỢ HỌC TẬP

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

(Lưu ý: Sinh viên đã được nhận hỗ trợ học tập sẽ không được nhận hỗ trợ chi phí học tập).

1. Đối tượng áp dụng

Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người (*La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bố Y, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, BRâu, Ơ Đu*)

2. Mức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở;
- Số tháng được hưởng: không quá 12 tháng/năm học/sinh viên;
- Số năm được hưởng: tính theo thời gian đào tạo chính thức.

3. Hồ sơ bao gồm

- Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (Theo mẫu);
- Bản sao giấy khai sinh của sinh viên;
- Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
- *Sinh viên thuộc đối tượng được hỗ trợ học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập tại trường.*

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

a) Thời gian:

- **Học kỳ 1:** Từ đầu học kỳ đến ngày 15 tháng 10
- **Học kỳ 2:** Từ đầu học kỳ đến ngày 15 tháng 03

b). Địa điểm: Phòng Công tác sinh viên (A103) cơ sở Nguyễn Tất Thành.

Lưu ý: Sinh viên nộp đơn sau thời hạn trên sẽ không được xem xét giải quyết

IV - CHÍNH SÁCH SINH VIÊN KHUYẾT TẬT

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC của Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

1. Đối tượng

Sinh viên hệ chính quy là người khuyết tật thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo

2. Chính sách về học bổng và chính sách hỗ trợ phương tiện và đồ dùng học tập

- Được hưởng học bổng mỗi tháng bằng 80% mức lương cơ sở theo quy định của chính phủ trong từng học kỳ, cấp 10 tháng/năm học.
- Được hỗ trợ kinh phí để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập 1.000.000đ/người/năm học.

3. Hồ sơ bao gồm

- Đơn đề nghị xét học bổng và hỗ trợ phương tiện đồ dùng học tập (Theo mẫu)
- Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng)
- Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng).

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

a) Thời gian:

- Học kỳ 1: đầu học kỳ đến 15 tháng 10.
- Học kỳ 2: đầu học kỳ đến 15 tháng 03.

b) **Địa điểm:** Phòng Công tác sinh viên A103 cơ sở Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh.

V - TRỢ CẤP XÃ HỘI

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT-BGD&ĐT-BTC-BLĐ-TB&XH ngày 25/08/1998, số 13/2002/TTLT-BGD&ĐT-BTC ngày 28/3/2002 và số 18/2009/TTLT-BGD&ĐT-BTC- LĐ-TB&XH ngày 03/08/2009 của liên tịch Bộ Giáo Dục & Đào Tạo - Bộ Tài Chính – Bộ Lao Động – Thương Binh & Xã hội hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 và 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

1. Đối tượng và hồ sơ trợ cấp xã hội:

TT	Đối tượng	Hồ sơ	Mức hưởng trợ cấp	Quy định
1	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	- Đơn đề nghị hưởng TCXH - Bản sao chứng thực Giấy khai sinh - Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cư dân.	140.000đ/tháng	Nộp hồ sơ một lần cho cả thời gian học tập
2	Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa	- Đơn đề nghị hưởng TCXH - Bản sao chứng thực Giấy khai sinh; giấy chứng tử của cha và mẹ hoặc xác nhận của UBND xã (phường) là cha và mẹ đã mất - Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền xác nhận sinh viên không có nguồn trợ cấp thường xuyên	100.000đ/tháng	Nộp hồ sơ một lần cho cả thời gian học tập

3	Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995	- Đơn đề nghị hưởng TCXH - Biên bản giám định thương tật do Hội đồng y khoa có thẩm quyền - Giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn do UBND cấp xã/phường.	100.000đ/tháng	Nộp hồ sơ một lần cho cả thời gian học tập
4	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập (gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo và có điểm học tập kỳ trước liền kề đạt 6.7 (thang điểm 10) hoặc 2.5 (thang điểm 4) trở lên, điểm rèn luyện đạt loại khá trở lên không bị kỷ luật.	- Đơn đề nghị hưởng TCXH - Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo do UBND cấp xã xác nhận - Bảng điểm học tập học kỳ liền kề trước	100.000đ/tháng	Nộp lại hồ sơ vào đầu mỗi học kỳ

2. Mức hưởng trợ cấp xã hội

Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hưởng mức trợ cấp 140.000 đồng/người/tháng. Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa; Sinh viên là người tàn tật gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật; Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập hưởng mức trợ cấp 100.000 đồng/người/tháng.

Trợ cấp xã hội được cấp 12 tháng trong năm học và cấp theo từng học kỳ.

3. Hồ sơ

Sinh viên phải làm đơn theo mẫu thống nhất do Nhà trường phát hành (đơn nhận tại Phòng Công tác Sinh viên A103), kèm theo đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội các giấy tờ được sao y chứng thực, cụ thể từng đối tượng:

- Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Giấy khai sinh; Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cư dân.

- Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ: Giấy khai sinh; Giấy chứng tử của cha và mẹ; Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

- Sinh viên là người tàn tật gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật: Biên bản giám định y khoa; Giấy xác nhận của UBND xã, phường về hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

- Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những sinh viên mà gia đình thuộc diện hộ nghèo và có điểm học tập kỳ trước liền kề đạt **6.7** (thang điểm 10) hoặc **2.5** (thang điểm 4) trở lên: Giấy chứng nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo mẫu (kèm theo TTLT số 18/2009/TTLT/BGD&ĐT-BTC- BLĐTBOXH ngày 03/08/2009); Bản sao Giấy khai sinh hoặc Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cư dân; Bảng điểm học tập kỳ trước liền kề (mỗi học kỳ phải nộp lại hồ sơ).

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

a) Thời gian:

- **Học kỳ 1:** đầu học kỳ đến 15 tháng 10.

- **Học kỳ 2:** đầu học kỳ đến 15 tháng 3.

b) Địa điểm: Phòng Công tác sinh viên A103 cơ sở Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh.

Lưu ý:

- Sinh viên thuộc nhiều diện hưởng trợ cấp xã hội sẽ chỉ được xét theo một diện có mức hưởng trợ cấp xã hội cao nhất.

- Sinh viên đã có Quyết định hưởng trợ cấp xã hội năm học kề cận trước đó thuộc diện gia đình là hộ nghèo phải nộp lại hồ sơ cho học kỳ kế tiếp.

- Sinh viên đã có Quyết định hưởng trợ cấp xã hội năm học trước nhưng nghỉ học, tạm ngừng tiến độ học tập, bị đình chỉ học tập ... nay nhập học lại phải làm đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội mới được tiếp tục xét hưởng trợ cấp xã hội.

Khi cần hỏi thêm thông tin về chế độ chính sách, sinh viên vui lòng liên hệ điện thoại (028) 39400989 - số nội bộ 138 hoặc email: miengiam@hcmulaw.edu.vn để được hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Website CTSV
- BCS các lớp
- Lưu VT, P. CTSV

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG CTSV**

Lê Thế Tài